TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH KON TUM**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 01/2021/QĐPT-DS	*Kon Tum, ngày 15 tháng 7 năm 2021*

QUYẾT ĐỊNH
PHÚC THẨM GIẢI QUYẾT VIỆC DÂN SỰ

V/v *"Yêu cầu tuyên bố hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất vô hiệu"*

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH KON TUM

- Thành phần giải quyết việc dân sự gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên họp: Ông Vũ Văn Thuấn

Các Thẩm phán: - Ông Nguyễn Minh Thành

- Bà Nguyễn Thị Như Mai

- Thư ký phiên họp: Bà Đồng Thị Hường - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Kon Tum

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Kon Tum tham gia phiên họp: Bà Chu Thị Sáu - Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 7 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Kon Tum mở phiên họp phúc thẩm công khai giải quyết việc dân sự thụ lý số 19/2021/TLPT- DS ngày 22 tháng 6 năm 2021 về việc *"Yêu cầu tuyên bố hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất vô hiệu"*.

Do Quyết định sơ thẩm giải quyết việc dân sự số 01/2021/QĐST-DS ngày 25/5/2021 của Tòa án nhân dân huyện K, tỉnh T bị kháng cáo

Theo Quyết định mở phiên họp phúc thẩm giải quyết việc dân sự số 17/2021/QĐPT- DS ngày 01 tháng 7 năm 2021, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

- *Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:* Ông Vũ Văn T, sinh năm 1971 – Chấp hành viên Chi cục Thi hành án dân sự huyện K, tỉnh T.

Địa chỉ: Thôn 01, thị trấn Đ, huyện K, tỉnh T (Có mặt)

- *Người có quyền L, nghĩa vụ liên quan:*

1. Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển Nông thôn Việt Nam

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Văn P, sinh năm 1979 – Giám đốc Ngân hàng N – Chi nhánh huyện K, tỉnh T; Địa chỉ: Thôn 01, xã T, huyện K, tỉnh T (Có mặt).

2. Ông Lưu Văn T, sinh năm 1986 (Có mặt) và bà Ngô Thị Trang U, sinh năm 1986 (Vắng mặt); Cùng địa chỉ: Số 01 đường Đỗ Xuân Hợp, phường L, thành phố T, tỉnh T.

3. Bà Lê Thị C, sinh năm 1980. Địa chỉ: Thôn 01, xã T, huyện K, tỉnh T (Vắng mặt)

4. Bà Trần Thị L, sinh năm 1983 và ông Hồ Mạnh H, sinh năm 1981.

Cùng địa chỉ: Thôn 02, xã T, huyện K, tỉnh T (Đều có mặt)

- *Người kháng cáo:* Người có quyền L, nghĩa vụ liên quan bà Trần Thị L.

NỘI DUNG VIỆC DÂN SỰ:

Tại đơn yêu cầu ngày 10/3/2021 và trong quá trình giải quyết, ông Vũ Văn T - chấp hành viên Chi cục Thi hành án dân sự huyện Kon Rẫy trình bày: Ông T yêu cầu Tòa án tuyên bố Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất số 54 được UBND xã Đăk Ruồng, huyện Kon Rẫy chứng thực ngày 01/6/2020 giữa bên chuyển nhượng - bà Lê Thị C và bên nhận chuyển nhượng - ông Lưu Văn T vô hiệu (QSD đất được chuyển nhượng số BP 288040 do UBND huyện Kon Rẫy cấp ngày 07/01/2015).

Lý do yêu cầu là giao dịch này có dấu hiệu nhằm trốn tránh nghĩa vụ thi hành án của bà Lê Thị C đối với bà Trần Thị L. Tại thời điểm xác lập hợp đồng vào ngày 01/6/2020 thì bà C có nghĩa vụ phải thi hành trả nợ cho bà Trần Thị L với số tiền vay là 241.000.000đ, thỏa thuận mỗi tháng trả 3.000.000đ. Giá tiền của giao dịch ghi trên hợp đồng mua bán trên là 100.000.000 đồng thấp hơn rất nhiều so với giá thị T. Sau khi bà C chuyển nhượng cho ông T, thửa đất nói trên được Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam - chi nhánh huyện Kon Rẫy đã định giá thửa đất trị giá 810.112.000 đồng và nhận thế chấp cho ông Lưu Văn T và bà Ngô Thị Trang Uyên vay 607.584.000 đồng.

Giao dịch chuyển nhượng nói trên được bà C thực hiện sau thời điểm Quyết định công nhận sự thỏa thuận số 16/2019/QĐST - DS ngày 20/11/2019 giữa bà C với bà Trần Thị L và ông Hồ Mạnh Hiền của Tòa án đã có hiệu lực pháp luật.

Ông Lưu Văn T, bà Ngô Thị Trang U và bà Lê Thị C - là những người có quyền L, nghĩa vụ liên quan trình bày ý kiến: Hợp đồng chuyển nhượng QSDĐ nói trên giữa ông T và bà C là hoàn toàn tự nguyện, không trái đạo đức xã hội. Khi giao dịch, quyền sử dụng đất nói trên chưa được đưa vào kê biên thi hành án, không có ai tranh chấp. Nên việc chuyển nhượng giữa ông Lưu Văn T, bà Ngô Thị Trang Uyên và bà Lê Thị C là hoàn toàn hợp pháp, họ đã tiến hành sang tên đổi chủ một cách hợp pháp. Khi bán tài sản thì tài sản của bà C đang thế chấp cho Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam - chi nhánh huyện Kon Rẫy. Nên Ngân hàng bán và thu hồi nợ là đúng không nhằm mục đích tẩu tán tài sản vì giá tiền bán bằng số tiền mà bà Lê Thị C nợ Ngân hàng nông nghiệp. Giá tiền ghi trên hợp đồng là 100.000.000 đồng nhưng giá trị chuyển nhượng trên thực tế là 786.535.616 đồng, hai bên tự nguyện đồng ý ghi. Việc hợp đồng ghi giá thấp

so với thực tế, 100.000.000 đồng là để giảm chi phí đóng thuế khi làm thủ tục chuyển quyền sử dụng. Do đó, không đồng ý hủy hợp đồng.

Về phía người có quyền L, nghĩa vụ liên quan bà Trần Thị L và ông Hồ Mạnh Hiền trình bày: Thống nhất với ý kiến của Chấp hành viên, cho rằng giao dịch chuyển nhượng QSD đất giữa ông Lưu Văn T và bà Lê Thị C là vô hiệu vì bà C chuyển nhượng đất nhằm trốn tránh nghĩa vụ thi hành án, vì sau khi chuyển nhượng quyền sử dụng đất này, bà C không dùng tiền có được từ giao dịch này thi hành án đối với nghĩa vụ trả nợ cho ông, bà (L, Hiền).

Người đại diện hợp pháp của ngân hàng N trình bày: Giao dịch giữa ông T và bà C là không vô hiệu, vì tại thời điểm bà Lê Thị C và ông Lưu Văn T ký hợp đồng chuyển nhượng trên thì thửa đất này đang được thế chấp cho ngân hàng theo hợp đồng thế chấp số 5104LCL201700079 ngày 19/01/2017 (giữa bà Lê Thị C, ông Trần Lê Truyền với ngân hàng) để bảo đảm cho khoản vay 650.000.000 đồng theo hợp đồng tín dụng số 5104LAV201800188 ngày 06/02/2018 giữa bà Lê Thị C với ngân hàng. Hợp đồng tín dụng có thời hạn 12 tháng. Đến tháng 02/2019 thì hết hạn hợp đồng tín dụng, nhưng bà C không trả nợ đúng thỏa thuận, còn nợ lại ngân hàng nguyên số nợ gốc 650.000.000 đồng và lãi phát sinh tính đến thời điểm hết hạn hợp đồng tín dụng là 28.003.424 đồng. Theo quy định tại mục 4.3, Điều 4 hợp đồng thế chấp, Ngân hàng có quyền chủ động quyết định phương thức bán tài sản thế chấp, phối hợp với bà C bán tài sản trực tiếp cho người mua. Ông T đã đồng ý nhận chuyển nhượng thửa đất này và trả nợ cho bà C. Hiện tại sau khi chuyển nhượng trên, ông Lưu Văn T đã làm sổ đỏ và đang thế chấp theo một hợp đồng tín dụng khác tại Ngân hàng nên không đồng ý yêu cầu trên của Chấp hành viên.

Với nội dung trên, tại Quyết định sơ thẩm số 01/2021/QĐST-DS, ngày 25-5-2021 của Tòa án nhân dân huyện Kon Rẫy, tỉnh Kon Tum đã quyết định:

Căn cứ khoản 10 Điều 27; khoản 2 Điều 35, Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Áp dụng Khoản 2 Điều 75 Luật Thi hành án dân sự năm 2008, được sửa đổi, bổ sung năm 2014; các Điều 117, 118, 500, 501, 502 và 503 Bộ luật dân sự 2015; Khoản 1 Điều 188, Điều 167 Luật đất đai 2013 sửa đổi, bổ sung năm 2018.

Chấp nhận một phần yêu cầu của ông Vũ Văn T - Chấp hành viên Chi cục Thi hành án dân sự huyện K, tỉnh T.

Tuyên bố hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất số 54 giữa bên chuyển nhượng - bà Lê Thị C và bên nhận chuyển nhượng - ông Lưu Văn T được UBND xã Đăk Ruồng, huyện Kon Rẫy chứng thực ngày 01/6/2020 vô hiệu một phần nội dung tại mục 1 Điều 2 về giá tiền chuyển nhượng.

Buộc bà Lê Thị C và ông Lưu Văn T phải sửa lại nội dung tại mục 1 Điều 2 hợp đồng về giá tiền chuyển nhượng đúng với thực tế là 786.535.616 đồng *(bảy trăm tám mươi sáu triệu, năm trăm ba mươi lăm ngàn, sáu trăm mười sáu đồng)*. Đồng thời, bà Lê Thị C và ông Lưu Văn T phải liên hệ với các cơ quan nhà nước

có thẩm quyền để thực hiện các nghĩa vụ về thuế liên quan đến số tiền giao dịch này.

Các phần khác của hợp đồng có hiệu lực pháp luật kể từ thời điểm đăng ký (ngày 01/6/2020).

Ngoài ra, quyết định sơ thẩm còn tuyên về quyền kháng cáo và thời hạn kháng cáo của những người tham gia tố tụng.

Ngày 01/6/2021 và ngày 03/6/2021 người có quyền L nghĩa vụ liên quan bà Trần Thị L kháng cáo Quyết định trên của Tòa án nhân dân huyện Kon Rẫy, cho rằng quyết định sơ thẩm là không khách quan, không đúng các quy định của pháp luật nên ảnh hưởng đến quyền L của bà, yêu cầu cấp phúc thẩm tuyên hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất số 54 giữa bên chuyển nhượng bà Lê Thị C và bên nhận chuyển nhượng ông Lưu Văn T ngày 01/6/2020 vô hiệu vì nhằm tẩu tán tài sản để thi hành án đối với bà.

Tại phiên họp người yêu cầu giải quyết việc dân sự, vẫn giữ nguyên nội dung đơn yêu cầu giải quyết việc dân sự; Người có quyền L nghĩa vụ liên quan bà Trần Thị L vẫn giữ nguyên nội dung đơn kháng cáo.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Kon Tum tham gia phiên họp phát biểu ý kiến: Việc kháng cáo của bà Trần Thị L, đảm bảo đúng thời hạn, đúng trình tự kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Cấp phúc thẩm đã thụ lý hồ sơ việc dân sự và giải quyết đúng theo quy định của Luật tố tụng dân sự.

Về quan điểm giải quyết việc dân sự: Qua phân tích đại diện Viện Kiểm sát cho rằng, sự việc có tranh chấp, các đương sự còn có ý kiến trái ngược nhau, nên cấp sơ thẩm thụ lý để giải quyết theo thủ tục việc dân sự là vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng. Cấp sơ thẩm phải thụ lý vụ án dân sự theo khoản 12 Điều 26 Bộ luật Tố tụng dân sự mới đúng. Đề nghị Hội đồng phúc thẩm căn cứ vào Điểm c khoản 3 Điều 375 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, không chấp nhận kháng cáo của bà Trần Thị L, Hủy quyết định số 01/2021/QĐST-DS ngày 25/5/2021 của Tòa án nhân dân huyện Kon Rẫy và trả hồ sơ về cấp sơ thẩm thụ lý, giải quyết lại.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ việc dân sự được thẩm tra tại phiên họp; ý kiến của các đương sự và đại diện Viện kiểm sát tại phiên họp, Hội đồng phúc thẩm nhận định:

[1] Cấp sơ thẩm thụ lý việc dân sự về *"Yêu cầu tuyên bố hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất vô hiệu"* là vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng cụ thể:

Căn cứ vào Điều 361 BLTTDS quy định *"Việc dân sự là cơ quan, tổ chức, cá nhân không có tranh chấp yêu cầu Tòa án công nhận hoặc không công nhận một sự kiện pháp lý..."*. Tuy nhiên, đối với yêu cầu này, Tòa cấp sơ thẩm thụ lý là giữa các đương sự đang có ý kiến trái ngược nhau, đang có tranh chấp giữa các bên

cụ thể: Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất số 54 giữa bên chuyển nhượng là bà Lê Thị C và bên nhận chuyển nhượng là ông Lưu Văn T được UBND xã Đăk Ruồng, huyện Kon Rẫy chứng thực ngày 01/6/2020. Hai bên chuyển nhượng cho rằng việc mua bán này là hợp pháp và không đồng ý yêu cầu của Chấp hành viên, không đồng ý tuyên bố hợp đồng này vô hiệu. Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển Nông thôn Việt Nam – Chi nhánh huyện Kon Rẫy cho rằng, thời điểm bà Lê Thị C và ông Lưu Văn T ký hợp đồng chuyển nhượng trên, thì thửa đất này đang được thế chấp cho Ngân hàng theo hợp đồng thế chấp số 5104LCL201700079 ngày 19/01/2017 (giữa bà Lê Thị C, ông Trần Lê Truyền với Ngân hàng) để bảo đảm cho khoản vay 650.000.000 đồng theo hợp đồng tín dụng số 5104LAV201800188 ngày 06/02/2018 giữa bà Lê Thị C với Ngân hàng. Vì vậy, Ngân hàng có quyền chủ động quyết định phương thức bán tài sản thế chấp, phối hợp với bà C bán tài sản trực tiếp cho người mua. Ngân hàng và bà C đã thỏa thuận với nhau, cùng nhau tìm người mua phù hợp để bán thửa đất trên. Sau đó bà C đã chuyển nhượng cho ông Lưu Văn T, có sự đồng ý của Ngân hàng. Hiện tại sau khi chuyển nhượng, ông Lưu Văn T làm Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và đang thế chấp theo một hợp đồng tín dụng khác tại Ngân hàng. Do đó Ngân hàng không đồng ý yêu cầu của Chấp hành viên.

Như vậy, trong sự việc này đang có tranh chấp chưa được làm rõ giữa các bên vì bên bán, bên mua và Ngân hàng đã xử lý tài sản thế chấp để thu hồi nợ. Trong T hợp này cấp sơ thẩm phải trả lại đơn yêu cầu, vì yêu cầu này không phải là việc dân sự do đang có tranh chấp giữa các bên. Do đó, việc thụ lý và giải quyết việc dân sự của cấp sơ thẩm là vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng quy định tại Điều 361 và Điều 364 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung giải quyết của cấp sơ thẩm: Theo chứng cứ có trong hồ sơ việc dân sự, thể hiện Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất số 54 giữa bà Lê Thị C và ông Lưu Văn T ngày 01/6/2020 đã thực hiện xong, ông T đã được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, đã thế chấp tại ngân hàng. Như vậy, hệ quả của việc yêu cầu hủy hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất là phải xem xét đến tính hợp pháp của Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và hợp đồng thế chấp đối với ông Lưu Văn T nên không thể giải quyết theo thủ tục việc dân sự. Theo quy định khi giải quyết việc dân sự thì người yêu cầu Tòa án công nhận hay không công nhận một sự kiện pháp lý, cấp sơ thẩm thụ lý việc dân sự nhưng lại giải quyết tuyên bố hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất vô hiệu một phần buộc bà C, ông T phải sửa đổi hợp đồng là không đúng với luật tố tụng về giải quyết việc dân sự. Trong quyết định sơ thẩm tuyên hợp đồng vô hiệu một phần và buộc các đương sự thực hiện như quyết định của một bản án là không đúng theo quy định của pháp luật Tố tụng dân sự.

T hợp các bên cho rằng, việc mua bán trên nhằm mục đích tẩu tán tài sản, nếu thấy có căn cứ thì khởi kiện bằng một vụ án dân sự khác.

[3] Ngoài ra, trong hồ sơ việc dân sự, cấp sơ thẩm ban hành hai quyết định khác nhau, vi phạm về việc phát hành bản án quyết định của Tòa án. T hợp quyết

định của Tòa án có sai sót thì được đính chính và lưu vào hồ sơ. Cấp sơ thẩm vừa ra quyết định đính chính vừa ra một quyết định khác là không phù hợp.

Từ những nhận định trên thấy cấp sơ thẩm thụ lý việc dân sự và giải quyết, không đúng quy định của pháp luật về tố tụng và nội dung vì yêu cầu này không phải việc dân sự. Do đó, cần phải hủy quyết định giải quyết việc dân sự của Tòa án cấp sơ thẩm và đình chỉ giải quyết việc dân sự.

Đối với kháng cáo của bà Trần Thị L, kháng cáo đúng thời hạn theo quy định. Tuy nhiên, cấp phúc thẩm thấy cần phải hủy quyết định của cấp sơ thẩm do vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng, nên cấp phúc thẩm không xem xét thêm về nội dung kháng cáo của bà Trần Thị L.

[4] Do Quyết định giải quyết việc dân sự của cấp sơ thẩm bị hủy, nên bà Trần Thị L không phải chịu lệ phí phúc thẩm.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ điểm d khoản 3 Điều 375 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Hủy Quyết định giải quyết việc dân sự số 01/2021/QĐST-DS ngày 25/5/2021 của Tòa án nhân dân huyện K, tỉnh T và đình chỉ giải quyết việc dân sự thụ lý số: 19/2021/TLPT-DS ngày 22/6/2021 về việc *"Yêu cầu tuyên bố hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất vô hiệu"*.

2. Căn cứ Điều 37 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội bà Trần Thị L không phải nộp tiền lệ phí phúc thẩm. Trả lại cho bà Trần Thị L số tiền 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) lệ phí phúc thẩm theo biên lai thu tạm ứng lệ phí Tòa án số 0004627 ngày 10/6/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện K, tỉnh T.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật kể từ ngày ra quyết định (15/7/2021)

Nơi nhận:
- VKSND tỉnh Kon Tum;
- TAND,VKSND huyện Kon Rẫy;
- Chi cục THADS huyện Kon Rẫy;
- Các đương sự;
- Lưu: VP, hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG GIẢI QUYẾT VIỆC DÂN SỰ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN HỌP

Vũ Văn Thuấn

<u>Hướng dẫn sử dụng mẫu số 27-VDS:</u>

(1) Ghi tên Tòa án ra quyết định; nếu là Tòa án nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương thì ghi rõ Tòa án nhân dân tỉnh (thành phố) đó (ví dụ: Tòa án nhân dân tỉnh Hưng Yên); nếu là Tòa án nhân dân cấp cao thì ghi rõ Tòa án nhân dân cấp cao nào (ví dụ: Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh).

(2) Ô thứ nhất ghi số, ô thứ hai ghi năm, ô thứ ba ghi ký hiệu loại quyết định (ví dụ "Số: 10/2018/QĐPT-LĐ").

(3) Ghi loại việc dân sự mà Tòa án giải quyết (ví dụ: "Tuyên bố một người mất tích", "Tuyên bố một người mất năng lực hành vi dân sự",...)

(4) Ghi họ tên, chức danh của Thư ký phiên họp.

(5) Ghi số, ký hiệu, ngày tháng năm thụ lý việc dân sự và loại việc dân sự mà Tòa án thụ lý giải quyết.

(6) Ghi tên, số, ký hiệu ngày tháng năm của Quyết định bị kháng cáo, kháng nghị.

(7) Nếu người yêu cầu là cá nhân thì ghi rõ họ tên và địa chỉ nơi cư trú, nơi làm việc (nếu có) của người đó; nếu là người chưa thành niên thì sau họ tên cần ghi thêm ngày, tháng, năm sinh của người đó; nếu là cơ quan, tổ chức thì ghi tên cơ quan, tổ chức và địa chỉ trụ sở của cơ quan, tổ chức đó.

(8) Chỉ ghi khi có người đại diện hợp pháp của người yêu cầu và ghi họ tên, địa chỉ nơi cư trú, nơi làm việc (nếu có) của người đó; ghi rõ là người đại diện theo pháp luật hay người đại diện theo ủy quyền của người yêu cầu; nếu là người đại diện theo pháp luật thì ghi chú trong ngoặc đơn quan hệ giữa người đó với người yêu cầu; nếu là người đại diện theo ủy quyền thì ghi chú trong ngoặc đơn "văn bản ủy quyền ngày.... tháng.... năm…..".

Ví dụ 1: Ông Nguyễn Văn A, trú tại... là người đại diện theo pháp luật của người yêu cầu (Giám đốc Công ty TNHH Thắng L).

Ví dụ 2: Bà Lê Thị B, trú tại... là người đại diện theo ủy quyền của người yêu cầu (Văn bản ủy quyền ngày... tháng... năm...).

(9) Chỉ ghi khi có người bảo vệ quyền và L ích hợp pháp của người yêu cầu. Ghi họ tên và địa chỉ nơi cư trú, nơi làm việc (nếu có) của người đó (nếu là Luật sư thì ghi là Luật sư của Văn phòng luật sư nào và thuộc Đoàn luật sư nào); nếu có nhiều người yêu cầu thì ghi cụ thể bảo vệ quyền và L ích hợp pháp cho người yêu cầu nào.

(10) Ghi tương tự như hướng dẫn tại điểm (7).

(11) Ghi tương tự như hướng dẫn tại điểm (8).

(12) Ghi tương tự như hướng dẫn tại điểm (9).

(13) Ghi họ tên và tư cách tham gia tố tụng của người kháng cáo.

(14) Ghi số, ngày, tháng, năm của quyết định kháng nghị, người có thẩm quyền kháng nghị (ví dụ: Quyết định kháng nghị số ..../….. /…… ngày ... tháng ... năm .... của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hà Nội...).

(15) Ghi tóm tắt nội dung việc dân sự, quyết định của Tòa án cấp sơ thẩm; nội dung, lý do kháng cáo, kháng nghị.

(16) Ghi nhận định của Hội đồng phúc thẩm về việc kháng cáo, kháng nghị và những căn cứ để chấp nhận hoặc không chấp nhận kháng cáo, kháng nghị. Trong phần này, các đoạn văn được đánh số thứ tự trong dấu [].

(17) Ghi rõ các căn cứ pháp luật để ra quyết định.

(18) Ghi các quyết của Hội đồng phúc thẩm giải quyết việc dân sự.

(19) Ghi rõ những người phải nộp lệ phí phúc thẩm giải quyết việc dân sự và mức lệ phí mỗi người phải nộp; nếu thuộc T hợp không phải nộp (hoặc được miễn, giảm) lệ phí phúc thẩm thì ghi rõ là không phải nộp (hoặc được miễn, giảm) lệ phí phúc thẩm.